

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh P

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 22-12-2020
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hải- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga- Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXX-ST ngày 12 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Chị Mai Thị P -sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu 04, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2 - **Bị đơn:** Anh Dương Văn S -sinh năm 1990; nơi cư trú tại: Khu 04, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa không có lý do.

3-**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng C Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2020 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn là chị Mai Thị P trình bày: Chị P và anh Dương Văn S tự nguyện kết hôn với nhau ngày 30/10/2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở riêng tại khu 4, xã T. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S thường ghen tuông vô cớ, đánh chửi, đuổi chị P. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi. Do mâu thuẫn càng tăng nên từ khoảng tháng 7/2020 đến nay, chị P về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, nên chị P yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh S.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/11/2020, bị đơn là anh Dương văn S trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời gian vợ chồng sống ly thân đúng như chị P đã trình bày. Theo anh S, vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh S không đồng ý ly hôn, với lý do không muốn con thiếu bố hoặc mẹ.

Về con chung: Chị P, anh S thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung là Dương Gia H- sinh ngày 06/9/2013, Dương Diễm M- sinh ngày 20/3/2017. Hiện 02 con chung ở cùng chị P. Nếu ly hôn, chị P đề nghị được trực tiếp nuôi cháu M, anh S trực tiếp nuôi cháu H và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S đề nghị để chị P trực tiếp nuôi 02 con chung và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Hai bên trình bày vợ chồng còn vay nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C cụ thể như sau:

Theo hợp đồng vay vốn ngày 05/4/2017, chị P, anh S nợ tiền gốc là 30.000.000đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Theo hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2020, chị P, anh S nợ gốc là 50.000.000đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Nếu ly hôn, chị P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh S đề nghị chị P có nghĩa vụ trả hai khoản nợ trên, vì trước khi viết đơn ly hôn, chị P đã nói sẽ tự trả hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng C Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ do ông Nguyễn Văn X là người đại diện theo ủy quyền trình

bày: Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện C cho vợ chồng chị Mai Thị P, anh Dương Văn S; đều cư trú tại: khu 04, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ vay tiền từ nguồn vốn cho hộ nghèo vay cụ thể như sau: Theo hợp đồng vay vốn ngày 05/4/2017, chị P, anh S vay tiền gốc là 30.000.000đồng và lãi theo hợp đồng; theo hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2020, chị P, anh S vay tiền gốc là 50.000.000đồng và lãi theo hợp đồng. Nay chị P, anh S ly hôn, đề nghị Tòa án buộc chị P, anh S có nghĩa vụ trả nợ số tiền vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Mai Thị P giữ nguyên ý kiến, yêu cầu về quan hệ hôn nhân, tài sản chung của vợ chồng và trình bày bổ sung như sau:

Về con chung: Chị P đề nghị được trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 500.000đồng/tháng/01 con, tổng cộng là 1.000.000đồng/tháng/02 con.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị P đề nghị là chị có trách nhiệm trả khoản nợ vay gốc 50.000.000đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn ngày 20/6/2020, anh S có nghĩa vụ trả nợ khoản vay gốc 30.000.000đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn ngày 05/4/2017 và thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ tiền vay gốc cho chị P 10.000.000đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không hợp tác khi làm việc, không có mặt trong quá trình giải quyết, xét xử mà không có lý do là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị P được ly hôn anh Dương Văn S.
2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị P trực tiếp nuôi 02 con chung là Dương Gia H- sinh ngày 06/9/2013, Dương Diễm M- sinh ngày 20/3/2017. Anh

Dương Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P với mức 5.000.000đồng/tháng/01 con, tổng cộng 1.000.000đồng/tháng/02 con cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Mai Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2020. Anh Dương Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng vay vốn ngày 05/4/2017.

Anh Dương Văn S phải thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ cho chị Mai Thị P 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

4. Về án phí: Chị Mai Thị P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng là 2.300.000đồng. Anh Dương Văn S chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng là 2.300.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “tranh chấp hôn nhân và gia đình” và nơi cư trú bị đơn là tại xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu, ý kiến của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị P và anh S bảo đảm các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên, đó là hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của nguyên đơn và chứng cứ thu thập được cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng đầu năm 2018. Nguyên nhân do anh S không thông cảm với việc chị P đi làm việc tại công ty may, dẫn đến vợ chồng thường đánh cãi chửi nhau. Mặc

dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng không đạt kết quả. Từ khoảng đầu năm 2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị P yêu cầu ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận. Anh S không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định là không còn tình cảm yêu thương với chị P và trong thời gian dài vợ chồng sống ly thân, anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên đề nghị của anh S không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Lời trình bày của đương sự và chứng cứ thu thập được cho thấy, chị P, anh S đều có chỗ ở, nghề nghiệp, thu nhập và trong quá trình giải quyết, con chung là Dương Gia H trình bày muốn được ở với anh S. Tuy nhiên, kể từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, 02 con chung được chị P chăm sóc nuôi dưỡng, còn anh S trình bày là không muốn trực tiếp nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của con chung, cần giao 02 con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S trình bày hiện làm thợ cơ khí thuê ở thành phố Hà Nội, có thu nhập ổn định là 15.000.000đồng/tháng. Do vậy, chị P yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000đồng/tháng/01 con, tổng cộng 1.000.000đồng/tháng/02 con là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với tình hình tài sản của anh S nên cần chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, công sức: Hai bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về nghĩa vụ chung về tài sản: Đề nghị của chị P về nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng như đã nêu trên không trái pháp luật và đạo đức xã hội, cần chấp nhận. Việc anh S từ chối nghĩa vụ trả nợ chung với lý do như đã nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ. Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, e khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị P được ly hôn anh Dương Văn S

2. Về con chung:

2.1. Giao 02 con chung là Dương Gia H- sinh ngày 06/9/2013, Dương Diễm M- sinh ngày 20/3/2017 cho chị Mai Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Dương Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P với mức 5.000.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng/01 con, tổng cộng 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/02 con kể từ tháng 01/2020 đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi).

2.2. Anh Dương Văn S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chung về tài sản:

3.1. Chị Mai Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng vay vốn ngày 26/6/2020.

Anh Dương Văn S có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C Việt Nam- Chi nhánh tỉnh Phú Thọ số tiền gốc là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng vay vốn ngày 05/4/2017.

3.2. Anh Dương Văn S phải thanh toán chênh lệch nghĩa vụ trả nợ cho chị Mai Thị P 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị Mai Thị P phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003735 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Chị P còn phải nộp 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Anh Dương

Văn S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con và 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng là 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử P thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Chi cục THA-DS dân sự huyện;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Thắng